TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VÂN HỒ** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 13/03/2018
V/v Xin ly hôn, chia tài sản chung, nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN HỒ, TỈNH SƠN LA

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hiếu.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mùi Văn Huấn.

2. Ông Tráng A Lứ.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bàn Văn Sơn - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2017/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Giàng A Ph, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Bản Th, xã V, huyện V, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Dừ Thị S, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Bản Th, xã V, huyện V, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lê Viết T, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Tiểu khu V, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La.Có mặt

- Anh Trần Đại Th, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Tiểu khu T, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La.Vắng mặt.

- Bà Phàng Thị M

Địa chỉ: Bản Th, xã V, huyện V, tỉnh Sơn La. Có mặt

- Người phiên dịch cho Chị Dừ Thị S và bà Phàng Thị M: Anh Sồng A P, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tiểu khu 10, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2017, bản tự khai tại các ngày 16/10/2017, 16/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Giàng A Ph trình bày: Anh Giàng A Ph và chị Dừ Thị S chung sống với nhau từ năm 2001 không đăng ký kết hôn, chỉ cưới hỏi theo phong tục tập quán của dân tộc Mông. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì sẩy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị S nghi anh Ph có quan hệ ngoại tình, mâu thuẫn đã được chính quyền địa phương và hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay anh Ph xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn. Trong quá trình chung sống anh Giàng A Ph và chị Dừ Thị S có 02 con chung là cháu Giàng A V, sinh ngày 05/11/2005; Giàng A Đ, sinh ngày 05/06/2009. Anh Giàng A Ph đề nghị được trực tiếp nuôi cháu Giàng A Đ để chị S trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giàng A V, hiện tại cháu Giàng A Đ đang ở với anh Ph, cháu Giàng A V đang ở với chị S, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa anh Giàng A Ph giữ nguyên yêu cầu về tình cảm và phần con chung.Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống anh chị xác lập khối tài sản chung như sau: 01 ngôi nhà thưng gỗ, lợp ngói nền láng xi măng có diện tích là 104m^2 dựng trên diện tích đất mượn của Ông Giàng A S và bà Phàng Thị M. Đối với ngôi nhà anh xin được quyền sử dụng và sẽ hoàn lại chênh lệch cho bà Phàng Thị M và chị Dừ Thị S, hiện tại anh và bà Phàng Thị M đang sinh sống tại ngôi nhà trên, khi nào bà M yêu cầu anh bàn giao diện tích đất thì anh có trách nhiệm tháo dỡ toàn bộ ngôi nhà để trả lại diện tích đất cho bà M. Ngoài ra, anh trình bày anh và chị Dừ Thị S còn có tài sản chung gồm: Mận hậu 20 cây, Đào gồm 121 cây tất cả những cây trên đều trồng trên đất nương của bà Phàng Thị M toàn bộ cây cối trên anh xin được sở hữu và sẽ hoàn lại chênh lệch tài sản cho chị Dừ Thị S khi nào bà M có yêu cầu trả lại diện tích đất để bà canh tác thì anh sẽ có trách nhiệm di rời toàn bộ cây trồng và trả lại diện tích đất nương cho bà Phàng Thị M, đối với tài sản chung là 01 con bò đực 05 năm tuổi, 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WaVe BKS: 26G1-02911 đã qua sử dụng, anh Ph xin được sở hữu chiếc xe máy để chị S sở hữu con bò. Đối với tài sản là 01máy sát đã bị hỏng không còn giá trị sử dụng, 01 tẹc nhựa đựng nước anh xin được sở hữu và hoàn lại chênh lệch tài sản cho chị S, những tài sản còn lại gồm 01 ti vi Sam Sung đã hỏng, 01 máy khâu đã hỏng và 02 con lợn anh chị đã tự thỏa thuận chia không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Trong quá trình chung sống anh Ph và chị S có vay nợ anh Trần Đại Th, trú tại tiểu khu T, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), vay nợ anh Lê Viết T trú tại Tiểu khu V, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Về nợ chung anh yêu cầu anh Ph và chị S mỗi người chịu một nửa số nợ

chung. Tại phiên tòa anh xin được chịu toàn bộ số nợ chung không yêu cầu chị S phải trả nợ chung.

Bị đơn chị Dừ Thị S trình bày: Chị và anh Giàng A Ph có được tìm hiểu và lấy nhau năm 2001, không có đăng ký kết hôn, hôn nhân của anh chị được tổ chức theo phong tục tập quán của dân tộc Mông. Chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Ph có người phụ nữ khác. Hiện tại chị vẫn còn tình cảm với anh Ph và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được đoàn tụ. Trong trường hợp anh Ph kiên quyết ly hôn chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 2 con chung là cháu Giàng A Đ và Giàng A V yêu cầu anh Giàng A Ph phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Về tài sản chung chị trình bày trong quá trình chung sống anh chị có những khối tài sản chung sau: 01 ngôi nhà gỗ 3 gian tại Bản Th dựng trên diện tích đất mượn của Ông Giàng A S và bà Phàng Thị M, quá trình làm nhà có công sức đóng góp của bà Phàng Thị M và Ông Giàng A S (có khoảng 40% gỗ để dựng nhà), Ngoài ra anh chị còn có tài sản chung gồm: Cây mận hậu 20 cây, cây Đào gồm 121 cây tất cả những cây trên đều trồng trên đất nương của bà Phàng Thị M, 01 con Bò đực 05 năm tuổi, 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WaVe BKS: 26G1-02911 anh Ph đang sử dụng, 01 máy sát đã bị hỏng không còn giá trị sử dụng, 01 tẹc nhựa đựng nước. Ngoài ra, những tài sản còn lại gồm 01 ti vi Sam Sung đã hỏng, 01 máy khâu đã hỏng và 02 con lợn anh chị đã tự thỏa thuận chia không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung chị đề nghị chia đôi số tài sản chung. Về nợ chung: Chị xác định không có, số nợ như anh Ph kê khai là anh Ph tự vay nợ nên tự chịu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phàng Thị M trình bày: Ngôi nhà của vợ chồng anh Ph và chị S được dựng lại từ tháng 9 năm 2009 làm trên đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q.914262 tại thửa số 9 mang tên chồng tôi là Giàng A S, đất này vợ chồng tôi cho anh Ph và chị Số mượn để làm nhà, quá trình làm nhà vợ chồng tôi có đóng góp khoảng 40% gỗ để xây dựng ngôi nhà, nếu vợ chồng anh Ph và chị S ly hôn tôi yêu cầu chia cho tôi 1/3 giá trị ngôi nhà, hiện tại tôi đang sống chung cùng anh Ph, bản thân tôi già yếu đang cần anh Ph chăm sóc nên yêu cầu Tòa án giao ngôi nhà trên cho anh Ph sử dụng để anh Ph tiện chăm sóc tôi, khi nào tôi yêu cầu tháo dỡ để trả tôi mặt bằng thì anh Ph phải tháo dỡ ngôi nhà trả lại đất cho tôi. Về phần đất nương do vợ chồng tôi khai hoang được nay cho anh Ph và chị S trồng nhờ cây đào và cây mận trên đất, khi nào tôi yêu cầu thì anh Ph và chị S phải trả lại đất nương để tôi canh tác.

Anh Lê Viết T trình bày: Tôi có cho anh Giàng A Ph vay số tiền tính đến ngày 10/8/2017 là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Anh Giàng A Ph là người trực tiếp đi vay, nay anh Ph và chị S ly hôn tôi yêu cầu anh Ph phải trả tôi số nợ trên. Tôi không yêu cầu tính lãi xuất.

Anh Trần Đại Th vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua bản tự khai và đơn xin xử vắng mặt anh trình bày: Anh có cho anh Giàng A Ph vay số tiền tính đến

tháng 9/2017 là 40.000.000 đồng. Anh Ph là người trực tiếp đi vay, nay vợ chồng anh chị ly hôn tôi yêu cầu anh Ph trả số nợ trên. Tôi không yêu cầu tính lãi xuất.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018 Hội đồng định giá tài sản huyện Vân Hồ đã tiến hành định giá tài sản kết quả định giá như sau: 01 ngôi nhà gỗ, thưng gỗ, lợp ngói nền láng xi măng có tổng diện tích là 104m^2 trị giá 95.680.000 đồng, cây mận hậu 20 cây trị giá 940.000đ, cây đào gồm 121 cây trị giá 6.050.000 đồng; 01 con Bò đực 05 năm tuổi có giá 12.000.000đ, 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HON DA WaVe BKS: 26G1-02911có giá là 10.000.000đ, 01 máy sát đã bị hỏng không còn giá trị sử dụng Hội đồng định giá tính theo giá sắt vụn là 100kg x 4.000 đồng = 400.000 đồng, 01 tẹc nhựa chứa nước nhãn hiệu VIHACO có giá trị 500.000 đồng.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này Thẩm phán, Hội đồng xét xử ,Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng trình tự, thủ tục của vụ án dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân đề nghị không công nhận quan hệ giữa anh Giàng A Ph và anh chị Dừ Thị S là quan hệ vợ chồng; về con chung giao cháu Giàng A Đ cho anh Giàng A Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Giàng A V cho chị Dừ Thị S tực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: Đối với ngôi nhà gỗ ba gian lợp ngói đề nghị chia ba giá trị ngôi nhà cho anh Ph, chị S và bà M mỗi người được hưởng 1/3 giá trị ngôi nhà. Theo kết quả định giá tài sản ngôi nhà trị giá 95.680.000 đồng. Hiện tại anh Ph đang sống cùng với bà M tại ngôi nhà nên cần giao ngôi nhà cho anh Giàng A Ph sử dụng, anh Ph phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản cho bà M và chị Dừ Thị S cụ thể (95.000.000: 3= 31.893.000 đồng) anh Ph phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản là ngôi nhà cho chị Dừ Thị S là 31.893.000 đồng, anh Ph phải thanh toán giá trị chênh lệch tài sản là ngôi nhà cho bà Phàng Thị M là 31.893.000 đồng. Đối với diện tích đất của ngôi nhà có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ông Giàng A S và Bà Phàng Thị M, Ông S và bà M cho vợ chồng anh Ph và chị S mượn để làm nhà, khi nào bà Phàng Thị M có yêu cầu thì anh Ph phải tháo dỡ ngôi nhà trả lại diện tích đất cho bà Phàng Thị M. Đối với những tài sản chung của anh Giàng A Ph và chị Dừ Thị S gồm: 01 con Bò đực 05 năm tuổi có giá 12.000.000đ(hiện tại chị S đang quản lý con bò), 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WaVe BKS: 26G1-029110 có giá là 10.000.000 đồng (hiện tại anh Ph đang quản lý) đề nghị chia cho anh Giàng A Ph chiếc xe máy chia cho chị Dừ Thị S con bò. Đối với tài sản chung còn lại gồm: Mận hậu 20 cây có giá tổng giá trị 940.000 đồng, đào gồm 121 cây có tổng giá trị 6.050.000 đồng; 01 máy sát đã bị hỏng không còn giá trị sử dụng hội đồng định giá tính theo giá sắt vụn 400.000 đồng, 01 tẹc nhựa định giá 500.000đồng (hiện tại anh Ph đang quản lý những tài sản trên) nên cần giao toàn bộ tài sản là cây mận, cây đào, 01 máy sát đã hỏng, 01 tẹc nhựa đựng nước cho anh Giàng A Ph sở hữu, anh Ph có trách nhiệm thanh toán chênh lệch

giá trị tài sản cho chị Dừ Thị S. Khi nào bà Phàng Thị M yêu cầu trả lại đất nương để bà canh tác thì anh Ph có trách nhiệm di dời cây cối để trả lại đất nương cho bà M. Chấp nhận việc anh Ph chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ chung cho anh Lê Viết T và anh Trần Đại Th.

Chấp nhận việc anh Ph chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản là 4.000.000 đồng.

Về án phí: Anh Ph phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, án phí chia tài sản chung đối với phần tài sản được chia, án phí thanh toán nợ chung.

Chị Dừ Thị S phải chịu án phí chia tài sản chung tương ứng với phần tài sản được chia.

Bà M phải chịu án phí chia tài sản chung tương ứng với phần tài sản được chia.

Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Đại Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng đối với yêu cầu được chấp nhận.

Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Viết T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng đối với yêu cầu được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Giàng A Ph và chị Dừ Thị S ly hôn và tranh chấp nuôi con chung, chia tài sản chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La theo quy định tại các Điều 28, 35, 36, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trần Đại Th là Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong vụ án có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Trần Đại Th.

[2] Về hôn nhân: Năm 2001 anh Giàng A Ph và chị Dừ Thị S đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng cho đến nay, nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, thì nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Khi có yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh Giàng A Ph và chị Dừ Thị S không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Anh Giàng A Ph và anh chị Dừ Thị S xác định có 02 con chung là cháu Giàng A V, sinh ngày 05/11/2005 và cháu Giàng A Đ, sinh ngày 05/6/2009. Anh Giàng A Ph có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Giàng A Đ để chị Dừ Thị S nuôi dưỡng cháu Giàng A V không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa anh Giàng A Ph giữ nguyên yêu

cầu về phần con chung. Chị Dừ Thị S không nhất trí, chị yêu cầu được trực tiếp nuỗi dưỡng các con đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi yêu cầu anh Ph phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu là 1.000.000 đồng. Nay Hội đồng xét xử thấy hiện tại cháu Giàng A Đ đang sống cùng bố là anh Ph, cháu Giàng A V đang sống cùng mẹ là chị S. Cháu Giàng A V có nguyện vọng được ở với mẹ, cháu Giàng A Đ có nguyện vọng được ở với bố nên Hội đồng xét xử giao cháu Giàng A Đ cho anh Ph trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Giàng A V cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo cho sự phát triển về thể chất và tinh thần cho các cháu. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Dừ Thị S, Hội đồng xét xử thấy cả anh Ph và chị S đều làm nương rẫy thu nhập theo mùa vụ không ổn định. Anh Ph và chị S mỗi người phải nuôi một con chung nên không chấp nhận yêu cầu của chị S về việc cấp dưỡng nuôi con chung. Như vậy, xét các điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung hàng ngày. Cần căn cứ vào các Điều 15, 81, 82, 83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Giàng A Đ cho anh Giàng A Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi, giao cháu Giàng A V cho chị Số trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không bên nào phải nộp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, anh Ph, chị S được quyền đi lại, thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: 01 ngôi nhà gỗ, thưng gỗ, lợp ngói nền láng xi măng có tổng diện tích là 104m^2 trị giá 95.680.000 đồng, cây mận hậu 20 cây có giá 20 x 47.000 đồng = 940.000đ, cây đào gồm 121 cây có giá 121 x 50.000 đồng = 6.050.000 đồng; 01 con bò đực 05 năm tuổi trị giá 12.000.000 đồng, 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WaVe BKS: 26G1-02911 trị giá 10.000.000 đồng, 01 máy sát đã bị hỏng không còn giá trị sử dụng hội đồng định giá tính theo giá sắt vụn là 100kg x 4.000 đồng = 400.000 đồng, 01 tẹc nhựa chứa nước nhãn hiệu VIHACO có giá trị 500.000 đồng.

Xét yêu cầu về chia tài sản chung của anh Giàng A Ph,chị Dừ Thị S, là có căn cứ bởi lẽ toàn bộ số tài sản trên là tài sản chung của của anh Ph và chị S, đối với tài sản chung 01 ngôi nhà gỗ, thưng gỗ, lợp ngói nền láng xi măng có tổng diện tích là 104m^2 có giá trị 95.680.000 đồng có xem xét đến công sức đóng góp của Bà Phàng Thị M bởi quá trình tạo dựng ngôi nhà Ông Giàng A S (đã chết) và Bà Phàng Thị M có đóng góp một số gỗ để làm nhà (40% số gỗ của ngôi nhà), qua biên bản xác minh đối với Ông Dừ A Cháy (Phó trưởng Bản Th) và Ông Giàng A Nhung đều là những người cùng bản, họ trực tiếp chứng kiến, tham gia gia giúp anh Ph và chị S dựng ngôi nhà trên đều khẳng định ngôi nhà trên được dựng vào tháng 9 năm 2009, quá trình làm nhà có sử dụng khoảng 40% gỗ của ngôi nhà cũ của ông S và bà M. Chị S, anh Ph cũng thừa nhận việc bà M và ông S góp gỗ để làm nhà. Căn cứ kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La nay Hội đồng xét xử thấy đối với tài sản chung là 01 ngôi nhà gỗ, thưng gỗ, lợp ngói nền láng xi măng có tổng diện tích là 104m^2 có giá trị 95.680.000 đồng cần chia làm ba phần, Bà M, chị S, anh Ph mỗi

người được hưởng một phần giá trị ngôi nhà. Ngôi nhà được dựng từ tháng 9 năm 2009 làm trên đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q.914262 tại thửa số 9 mang tên ông Giàng Giàng A S (ông S hiện đã chết), Ông Giàng A S và bà Phàng Thị M cho anh Ph và chị Số mượn để dựng nhà, hiện tại Bà Phàng Thị M đang sống cùng anh Giàng A Ph tại ngôi nhà này, hiện bà M sức khỏe yếu cần anh Ph chăm sóc nên việc giao ngôi nhà cho anh Ph được quyền sở hữu là phù hợp, anh Ph phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản đối với 01 ngôi nhà gỗ, thưng gỗ, lợp ngói nền láng xi măng có tổng diện tích là 104m^2 cho chị Dừ Thị S và Bà Phàng Thị M mỗi người là 31.893.000 đồng (95.680.000 đồng: 3 =31.893.000 đồng). Đối với tài sản chung của Anh Giàng A Ph và chị Dừ Thị S gồm: 01 con bò đực 05 năm tuổi có giá 12.000.000 đồng (hiện tại chị S đang quản lý con bò), 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA WaVe BKS: 26G1-02911 có giá là 10.000.000 đồng (hiện tại anh Ph đang quản lý) nay chia cho anh Giàng A Ph chiếc xe máy chia cho chị Dừ Thị S con bò là phù hợp; đối với tài sản chung còn lại gồm: Cây mận hậu 20 cây có giá tổng giá trị 940.000 đồng, đào gồm 121 cây có tổng giá trị 6.050.000 đồng. Tất cả số cây mận và cây đào đều được trồng trên đất nương của bà Giàng Thị M; 01 máy sát đã bị hỏng không còn giá trị sử dụng Hội đồng định giá tính theo giá sắt vụn 400.000 đồng, 01 tẹc nhựa đựng nước định giá 500.000 đồng (hiện tại anh Ph đang quản lý những tài sản trên). Tổng cộng là 7.890.000 đồng (940.000 đồng + 6.050.000 đồng + 400.000 đồng + 500.000 đồng =7.890.000 đồng). Giao toàn bộ tài sản là cây mận, cây đào, 01 máy sát đã hỏng, 01 tẹc nhựa đựng nước nhãn hiệu VIHACO cho anh Giàng A Ph sở hữu, anh Ph có trách nhiệm thanh toán một nửa chênh lệch giá trị tài sản cho chị Dừ Thị S là: 3.945.000 đồng(7.890.000 đồng: 2 = 3.945.000 đồng). Khi nào bà Phàng Thị M yêu cầu trả lại đất nương để bà canh tác thì anh Ph có trách nhiệm di dời cây cối để trả lại đất nương cho bà M.

[4] Về nợ chung: Anh Ph có vay nợ của anh Lê Viết T số tiền 60.000.000 đồng và anh Trần Đại Th số tiền 40.000.000 đồng. Tại phiên Tòa chị S không chấp nhận phải trả nợ chung, anh Ph xin chịu chịu toàn bộ số nợ chung không yêu cầu chị S phải trả nên Hội đồng xét xử chấp nhận buộc anh Ph phải trả số nợ đã vay của anh Trần Đại Th và anh Lê Viết T. Do đó, cần vận dụng các Điều: 210, 218, 219 và các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự để chia tài sản chung và nợ chung.

[5] Đối với số tiền chi phí định giá tài sản là 4.000.000 đồng anh Ph đã nộp, anh Ph xin chịu toàn bộ, không yêu cầu chị Dừ Thị S và bà Phàng Thị M phải chịu nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện chịu toàn bộ chi phí định giá tài sản của anh Giàng A Ph.

[6] Về án phí: Anh Ph phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, án phí chia tài sản chung đối với phần tài sản được chia, án phí thanh toán nợ chung.

Chị Dừ Thị S phải chịu án phí chia tài sản chung tương ứng với phần tài sản được chia.

Bà M phải chịu án phí chia tài sản chung tương ứng với phần tài sản được chia.

Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Đại Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng đối với yêu cầu được chấp nhận.

Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Viết T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng đối với yêu cầu được chấp nhận.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 107, 110,116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Các Điều 210, 218, 219 và Điều 463, 466 Bộ luật dân sự, Khoản 4 Điều 147, Điều 273, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, các điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Giàng A Ph và chị Dừ Thị S.

2. Về con chung: Giao cháu Giàng A Đ, sinh ngày 05/06/2009 cho chị anh Giàng A Ph trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi, giao cháu Giàng A V cho chị Dừ Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Chị S và anh Ph không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Dừ Thị S, anh Giàng A Ph có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh Giàng A Ph được quyền sở hữu 01 ngôi nhà gỗ, thưng gỗ, lợp ngói nền láng xi măng có tổng diện tích là 104m^2 (dựng trên nền đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Giàng A S) tại Bản Th, xã V, huyện V, tỉnh Sơn La trị giá 95.680.000 đồng, 20 cây mận hậu trị giá 940.000 đồng, 121 cây đào trị giá 6.050.000 đồng; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HON DA WaVe BKS: 26G1-02911 trị giá 10.000.000 đồng, 01 máy sát đã bị hỏng không còn giá trị sử dụng tính theo giá sắt vụn trị giá 400.000 đồng, 01 tẹc nhựa chứa nước nhãn hiệu VIHACO trị giá 500.000 đồng. Anh Giàng A Ph có trách nhiệm thanh toán chệnh lệch giá trị tài sản cho chị Dừ Thị S là 35.838.000 đồng, anh Giàng A Ph có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho bà Phàng Thị M là 31.893.000 đồng.

Khi Bà Phàng Thị M có yêu cầu anh Giàng A Ph phải trả lại diện tích đất của ngôi nhà và di dời cây cối để trả lại đất nương cho bà M thì anh Giàng A Ph có trách nhiệm phải tháo dỡ ngôi nhà và di dời số cây mận, cây đào để trả lại diện tích đất dựng nhà và đất nương cho bà Phàng Thị M.

Chị Dừ Thị S được quyền sở hữu 01con bò đực 05 năm tuổi trị giá 12.000.000 đồng. Chị Thị S được quyển sở hữu 35.838.000 đồng do anh Giàng A Ph có trách nhiệm thanh toán.

Bà Phàng Thị M được quyền sở hữu 31.893.000 đồng do anh Giàng A Ph có trách nhiệm thanh toán.

Về nợ chung: Anh Giàng Ph có trách nhiệm trả nợ cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan sau:

Trả nợ anh Lê Viết T số tiền 60.000.000 đồng.

Trả nợ anh Trần Đại Th số tiền 40.000.000 đồng.

4. Về án phí: Anh Giàng A Ph phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, án phí chia tài sản chung là 2.291.900 đồng, án phí chia nợ chung là 5.000.000 đồng. Tổng cộng là 7.591.900 đồng. Anh Giàng A Ph được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.275.000 đồng theo biên lai thu số AA/2013/04305 tại chi cục thi hành án Dân sự huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La. Số tiền án phí còn lại anh Ph phải nộp là: 5.316.900 đồng.

Chị Dừ Thị S phải chịu án phí chia tài sản chung là 2.391.900 đồng.

Bà Phàng Thị M phải chịu án phí chia tài sản chung là: 1.594.600 đồng.

Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Đại Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2013/04322 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

Trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Viết T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.500.000 đồng theo biên lai thu số AA/2013/04323 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Giàng A Ph, chị Dừ Thị S, anh Lê Viết T, bà Phàng Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Đại Th có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo thủ tục hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh Sơn La;
- VKSND Tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Vân Hồ;
- Chi cục THA dân sự huyện Vân Hồ;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Xuân Hiếu